TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/8/2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY – TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Chinh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994(Có đơn xin xử vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 4 xã T, huyện T, tỉnh P
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 4 xã T, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung với gia đình anh H, tình cảm vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc,

sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau trong công việc và cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, nay tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/11/2012, hiện cháu đang ở với anh H. Sau khi ly hôn, chị tự nguyện để anh H trực tiếp nuôi con chung và không đề nghị tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thông báo cho anh H đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ vào hòa giải. Tuy nhiên anh Hà đều vắng mặt không đến làm việc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Trong biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn M là bố đẻ anh Nguyễn Văn H trình bày:

Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn H, năm 2011 gia đình ông tổ chức kết hôn cho anh H và chị T. Việc kết hôn giữa anh H và chị T hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T.

Anh H chị T chung sống với gia đình ông một thời gian sau đó thì ra ở riêng. Đến năm 2013 chị T bỏ con lại cho anh H và bỏ đi, không quan tâm gì đến chồng con. Giữa anh H chị Trang không có mâu thuẫn gì lớn, gia đình ông đã khuyên ngăn chị Trang nhiều lần nhưng không được. Hiện tại anh H đi làm ăn, công việc tự do nên không đến tòa án giải quyết được, các giấy tờ văn bản tố tụng của tòa án ông đều thông báo, giao cho anh H. Quan điểm của anh H là đồng ý ly hôn với chị T, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, giữa anh H chị T không có tài sản chung, công nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh H đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không đến làm việc mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Chị T có mặt trong các phiên làm việc, căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị Nguyễn Thị Tdo điều kiện công việc, không tham gia phiên tòa được nên chị Trang đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T anh H kết hôn với nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, sau phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong công việc và trong cuộc sống, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng chị T về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Chị Trang xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh H. Tòa án đã thông báo cho anh H đến tham gia các phiên hòa giải, tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do. Qua làm việc cùng chính quyền địa phương, gia đình bố đẻ anh H xác định anh H chung sống cùng gia đình ông, làm công việc tự do nên không đến Tòa án giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trang ly hôn anh H theo quy định pháp luật vì các bên không chung sống cùng nhau đã lâu.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên không còn chung sống cùng nhau, không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tỉnh cảm vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị T anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/11/2012, hiện cháu A đang ở với anh H. Sau khi ly hôn chị T tự nguyện giao cháu Nguyễn Hải A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Đây là sự tự nguyện của chị T, hơn nữa cháu A sống với anh H từ nhỏ, được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, anh H và gia đình có nguyện vọng đề nghị được nuôi cháu A. Vì vậy HĐXX giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị tòa án giải quyết, tuy nhiên tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T không đề nghị toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải

quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của BLTTDS ; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

Về nội dung vụ án: *Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/11/2012 cho đến khi cháu thành niên, về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị tòa án giải quyết, tuy nhiên tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.*

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu A thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị tòa án giải quyết, nên không

đặt ra giải quyết trong vụ án này, tuy nhiên tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu. Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị T không đề nghị toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001292 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, được chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú, lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Thuỷ;
- THADS huyện Thanh Thuỷ;
- UBND xã T;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ- VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú